SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP Hà Nội
Giờ ký: 14/10/2026 17:06:39

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN HỢP NHẤT
Số: 08 /2026/VBHN-NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố

Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hết hiệu lực một phần bởi:

1. Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2023;

2. Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy của thành phố Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

3. Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

4. Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục 06 - Quy định nội dung chi, mức chi các hoạt động y tế - dân số trên địa bàn sử dụng kinh phí sự nghiệp thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

5. Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao Hà Nội tham gia tập trung tập huấn, thi đấu, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP, ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

Xét Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 257/BC-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp[1].

---

[1] Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nhà giáo Nhân dân", "Nhà giáo Ưu tú";

Căn cứ Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú";

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét các Tờ trình: số 188/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 196/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 209/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 210/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 207/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 226/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023; số 269/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp."

Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành Nghị quyết "Quy định công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú và hỗ trợ người được phân công giúp đỡ người được giáo dục tại cấp xã; nội dung, mức chi đặc thù trong công tác cai nghiện ma túy tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; nội dung, mức chi đặc thù cho lực lượng chuyên trách, thực hiện phòng, chống ma túy thuộc các cơ quan chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội"; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-BPC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 144/BC-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;"

Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 37/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Xét Tờ trình số 309/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/09/2021 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 74/BC-BKTNS ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;"

Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

1. Quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện công tác điều tra dư luận xã hội của thành phố Hà Nội (Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)[2].

2. Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch được ủy quyền ký chứng thực theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ (Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).

3. Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương của thành phố Hà Nội (Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo).

4.[3] ***(hết hiệu lực)***

5.[4] ***(được bãi bỏ)***

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2026/TT-BTC;

Theo đề nghị của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 303/TTr-UBND ngày 07 tháng 07 năm 2026 về việc đề nghị ban hành Nghị quyết, sửa đổi, bổ sung bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục 06 - Quy định nội dung chi, mức chi các hoạt động y tế - dân số trên địa bàn sử dụng kinh phí sự nghiệp thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 107/BC-BVHXH ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 321/BC-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Uy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Văn bản số 3529/UBND-TH ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc báo cáo tiếp thu, giải trình thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về các nội dung trình kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp."

Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15:

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

Xét Tờ trình số 288/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao Hà Nội tham gia tập trung tập huấn, thi đấu; Báo cáo thẩm tra số 104/BC-BVHXH ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 324/BC-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;"

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[3] Khoản này hết hiệu lực bởi điểm c khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[4] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

6. Quy định nội dung chi, mức chi các hoạt động y tế - dân số trên địa bàn sử dụng kinh phí sự nghiệp thành phố Hà Nội (Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo)[5].

Điều 2. Tổ chức thực hiện[6]

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này thực hiện đến khi có các quy định mới về chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[6]Điều 2 Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 quy định như sau:

*"**Điều 2. Tổ chức thực hiện:***

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; rà soát bãi bỏ các quy định đã ban hành trước đây không còn phù hợp với quy định tại Nghị quyết này và các quy định pháp luật có liên quan;

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết."

Điều 4 Nghị quyết 76/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 4. Tổ chức thực hiện:***

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết."

Điều 11 của Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026, quy định như sau:

*"**Điều 11. Tổ chức thực hiện***

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ, công khai, minh bạch; thực hiện sơ kết, tổng kết việc thi hành Nghị quyết theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết."

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 02/10/2021 và thay thế Phụ lục 08 Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố./.

PHỤ LỤC 01

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐIỀU TRA DƯ LUẬN XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện công tác điều tra dư luận xã hội của thành phố Hà Nội.

II. Đối tượng áp dụng

Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy và các cơ quan liên quan[7].

III. Nội dung chi và mức chi

1. Hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức cuộc điều tra dư luận xã hội xây dựng phương án điều tra, lập mẫu phiếu điều tra và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra theo phương thức khoán. Mức khoán (đã bao gồm chi hội nghị, họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu, chi thuê chuyên gia chọn mẫu điều tra và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến phương án điều tra, lập mẫu phiếu điều tra và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra) như sau:

a) Chi xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra: tối đa 30 triệu đồng;

b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra: tối đa 10 triệu đồng.

Tùy theo quy mô, tính chất của cuộc điều tra, Thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức điều tra quyết định mức khoán cụ thể đối với mỗi hoạt động nêu trên cho phù hợp. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao khoán được quyết định nội dung và mức chi trong phạm vi kinh phí được giao khoán để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ

2. Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định về chi biên soạn giáo trình đào tạo cho các ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

3. Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra, sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên, phiếu Điều tra, biểu mẫu điều tra, xuất bản ấn phẩm điều tra (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước.

---

[7] Được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

4. Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu hội nghị được quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC và Phụ lục 03 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, đơn vị của Thành phố được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND[8].

5. Chi tiền công:

a) Tiền công thuê ngoài:

Các nội dung chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra (chi thực hiện trong trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc điều tra dư luận xã hội được tiến hành điều tra lần đầu tiên hoặc các cuộc điều tra có thay đổi về đối tượng được điều tra theo quy định của phương án điều tra), thu thập số liệu điều tra, phúc tra phiếu điều tra, phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường, thuê người dẫn đường không phải phiên dịch.

Về mức chi: Mức tiền công bình quân thuê ngoài để thực hiện các công việc nêu trên được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra. Trong phạm vi dự toán được giao, tùy vào địa bàn cụ thể, cơ quan chủ trì điều tra quyết định mức thanh toán tiền công thực hiện các công việc nêu trên cho phù hợp.

Riêng đối với tiền công của người dẫn đường không phải phiên dịch: mức chi bằng 70% mức tiền công thuê người phiên dịch kiêm dẫn đường.

b) Trường hợp cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ điều tra thống kê tại xã, phường tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra, thu thập số liệu điều tra, phúc tra phiếu điều tra được chi hỗ trợ bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên quy định tại điểm a mục này[9].

c) Trường hợp cuộc điều tra có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thì được thanh toán không quá 50% mức tiền công thuê điều tra viên quy định tại điểm a mục này.

Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra ngoài giờ hành chính thì được thanh toán tối đa không quá mức tiền công

---

[8] Được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[9] Được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

thuê điều tra viên quy định tại điểm a mục này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra quyết định cử người có chuyên môn nghiệp vụ thống kê, có kinh nghiệm khai thác thông tin tham gia thu thập thông tin điều tra, phúc tra phiếu điều tra (ngoài nhiệm vụ thường xuyên) theo yêu cầu của phương án điều tra.

d) Căn cứ phương án điều tra được phê duyệt, thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thực hiện khoán tiền công điều tra quy định tại diêm a, b và c mục này theo số phiếu điều tra phù hợp với địa bàn điều tra. Việc thanh toán tiền cho điều tra viên căn cứ biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng phiếu điều tra và số tiền công theo phiếu điều tra.

6. Chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra, phúc tra phiếu điều tra: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC và Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND[10].

7. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin: Mức chi cụ thể như sau:

a) Đối với cá nhân:

Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu: Tối đa 40.000 đồng/phiếu.

Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: Tối đa 50.000 đồng/phiếu.

Trên 40 chỉ tiêu: Tối đa 60.000 đồng/phiếu.

b) Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định):

Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu: Tối đa 85.000 đồng/phiếu.

Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: Tối đa 100.000 đồng/phiếu.

Trên 40 chỉ tiêu: Tối đa 115.000 đồng/phiếu.

c) Đối với tổ chức là cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định: Căn cứ vào hình thức cung cấp thông tin, cơ quan chủ trì tổ chức điều tra quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp. Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của nhà nước mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi quy định tại điểm b mục này.

8. Chi vận chuyển tài liệu điều tra, thuê xe phục vụ điều tra thực địa: Thanh toán theo giá ghi trên vé, hóa đơn mua vé, hóa đơn và hợp đồng vận chuyển. Trường hợp vận chuyển ở địa bàn không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà phải thuê phương tiện vận tải khác thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị điều tra xem xét quyết

---

[10] Được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

định cho thanh toán tiền thuê phương tiện vận chuyển trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện theo mức giá thuê trung bình thực tế ở địa phương trong phạm vi dự toán được giao hoặc thanh toán tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

9. Chi xử lý kết quả điều tra:

a) Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra: Thực hiện khoán tiền công trên cơ sở tiền thù lao thuê điều tra viên thu thập số liệu; mức khoán cụ thể tùy theo tính chất phức tạp của phiếu điều tra trong các cuộc điều tra, nhưng tối đa không quá 7% tiền công chi trả điều tra viên thu thập số liệu;

b) Chi xây dựng, nâng cấp, mở rộng phần mềm phục vụ công tác điều tra (nếu cần thiết); chi nhập dữ liệu từ phiếu điều tra (phiếu giấy), chi kiểm tra hiệu đính, tổng hợp dữ liệu để tạo lập cơ sở dữ liệu; chi duy trì trang thông tin điện tử; chi xuất bản các sản phẩm điện tử về kết quả điều tra: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản; Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra chịu trách nhiệm trong việc quyết định mức chi cụ thể tối đa không vượt quá quy định tại các văn bản nêu trên, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nguồn kinh phí được giao để thực hiện công tác điều tra[11].

10. Chi biên soạn ấn phẩm điều tra (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

11. Chi công bố kết quả điều tra: Tùy theo tính chất và sự cần thiết của cuộc điều tra dư luận xã hội, Thủ trưởng cơ quan chủ trì điều tra quyết định việc công bố kết quả điều tra trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo cáo cơ quan chức năng hoặc tổ chức hội nghị để công bố. Nội dung và mức chi tổ chức hội nghị để công bố kết quả điều tra thực hiện theo chế độ chi tổ chức hội nghị quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC và Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; chi công bố trên phương tiện thông

---

[11] Được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

tin đại chúng: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước.[12]

12. Các khoản chi khác liên quan đến cuộc điều tra, bao gồm:

a) Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác điều tra: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Phiên dịch (nếu có), biên dịch tài liệu nước ngoài phục vụ điều tra: Mức chi thực hiện theo quy định về chi phiên dịch, biên dịch tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.[13]

c) Làm ngoài giờ: Trong phạm vi dự toán được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

13. Chi điều tra thử để hoàn thiện phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, mẫu phiếu điều tra:

Đối với cuộc điều tra được tiến hành điều tra lần đầu tiên, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra quyết định điều tra thử trong trường hợp cần thiết trong phạm vi dự toán được giao để hoàn thiện phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, mẫu phiếu điều tra. Nội dung, mức chi điều tra thử thực hiện theo các quy định tương ứng tại quy định này.

IV. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách cấp Thành phố.

---

[12] Được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[13] Được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 76/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

PHỤ LỤC 02

QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ CHỨNG THỰC THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 7 NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch được ủy quyền ký chứng thực theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội.

II. Đối tượng áp dụng

1. Công chức Tư pháp - Hộ tịch được ủy quyền ký chứng thực theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân các phường.

3. Ủy ban nhân dân các quận, thị xã.

III. Mức chi hỗ trợ

Mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch được ủy quyền ký chứng thực theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2021/NĐ-CP của Chính phủ bằng 15% mức lương cơ sở/người/tháng.

IV. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách quận, thị xã.

PHỤ LỤC 03

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN CƠ SỞ VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (sau đây viết tắt là QCĐP) và tiêu chuẩn cơ sở (sau đây viết tắt là TCCS) của các cơ quan nhà nước thuộc Thành phố có sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm lập kế hoạch, rà soát, xây dựng, thẩm định TCCS và QCĐP.

Các nội dung khác về quản lý và sử dụng kinh phí; lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí xây dựng TCCS và QCĐP không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

II. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, tổ chức khác và cá nhân liên quan đến hoạt động xây dựng TCCS, QCĐP trên địa bàn thành phố Hà Nội.

III. Nội dung chi và mức chi

STT	Nội dung chi	Mức chi
1	Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo TCCS, QCĐP (nếu có)	20.000.000 đồng/01 dự thảo đối với TCCS, QCĐP không cần phải khảo sát, khảo nghiệm 45.000.000 đồng/01 dự thảo đối với TCCS, QCĐP cần phải khảo sát, khảo nghiệm
2	Chi lập dự án TCCS, QCĐP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	1.500.000 đồng/01 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt
3	Chi xây dựng thuyết minh dự thảo TCCS, QCĐP, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo TCCS, QCĐP	Áp dụng mức chi quy định tại Phụ lục 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố ban hành định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của Thành phố
4	Chi cho công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây	Áp dụng mức chi tại Phụ lục 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố ban hành nội dung và mức chi của các

	dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng TCCS, QCĐP	cuộc điều tra thống kê do ngân sách Thành phố bảo đảm
5	Chi thuê chuyên gia trong nước	Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCCS, QCĐP
6	Chi thuê chuyên gia nước ngoài	- Đối với các TCCS, QCĐP sử dụng nguồn ngân sách nhà nước; nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: + Trường hợp mức chi thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá mức chi thuê chuyên gia trong nước theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đơn vị chủ trì xây dựng TCCS, QCĐP quyết định mức chi đối với chuyên gia nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận tùy theo chất lượng chuyên gia. + Trường hợp mức chi thuê chuyên gia nước ngoài cao hơn mức chi thuê chuyên gia trong nước theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, HĐND Thành phố giao UBND Thành phố quyết định sau khi thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố đối với từng trường hợp cụ thể. - Đối với các TCCS, QCĐP sử dụng từ các nguồn kinh phí khác ngoài nguồn ngân sách nhà nước: Đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. - Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCCS, QCĐP.
7	Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban biên soạn hoặc tổ biên	500.000 đồng/thành viên/dự thảo TCCS, QCĐP

	soạn xây dựng TCCS, QCĐP, của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCCS, QCĐP	
8	Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, tiêu chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo TCCS, QCĐP	Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.
9	Chi tổ chức các cuộc họp Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCCS, QCĐP:	
	Trưởng ban/Tổ trưởng:	150.000 đồng/người/buổi
	Các thành viên:	100.000 đồng/người/buổi
10	Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo TCCS, QCĐP:	
	Chủ trì cuộc họp:	600.000 đồng/người/buổi
	Các thành viên tham dự:	100.000 đồng/người/buổi
11	Chi dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Áp dụng định mức chi quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.
12	Chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo TCCS, QCĐP	Áp dụng định mức chi quy định tại Phụ lục 01 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố ban hành nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách Thành phố bảo đảm.
13	Chi mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, ngoài nước về các nội dung của dự thảo TCCS, QCĐP	Tùy theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và báo giá tương ứng của nhà cung cấp.
14	Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo TCCS, QCĐP	500.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.
15	Hội đồng thẩm tra, thẩm định dự	

	thảo TCCS, QCĐP:	
	Chủ tịch Hội đồng	1.000.000 đồng/người/buổi
	Thành viên Hội đồng	500.000 đồng/người/buổi
16	Chi công tác phí	Áp dụng thực hiện theo Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội
17	Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo TCCS, QCĐP	Thực hiện theo các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tương ứng của Bộ Tài chính và Thành phố.

* *Ghi chú:*

Đối với các khoản kinh phí tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân phục vụ cho việc xây dựng TCCS, QCĐP thực hiện theo thỏa thuận với nhà tài trợ, hỗ trợ; trong trường hợp không có thỏa thuận cụ thể với nhà tài trợ, hỗ trợ thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

IV. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Thành phố theo phân cấp hiện hành.
2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.
3. Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 04 [14] *(hết hiệu lực)*

[14] Phụ lục này hết hiệu lực theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

PHỤ LỤC 05 [15] *(được bãi bỏ)*

[15] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

PHỤ LỤC 06

QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI, MỨC CHI CÁC HOẠT ĐỘNG Y TẾ - DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. [16]Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi, mức chi các hoạt động y tế - dân số trên địa bàn sử dụng kinh phí sự nghiệp thành phố Hà Nội (bao gồm: y tế dự phòng; các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; các hoạt động kiểm nghiệm, xét nghiệm; các hoạt động an toàn thực phẩm; các hoạt động dân số; các hoạt động pháp y; các hoạt động giám định y khoa; các hoạt động y tế - dân số khác theo các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án).

II. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thành phố Hà Nội thực hiện hoạt động y tế - dân số.

III. Nội dung chi và mức chi

1. Nội dung và mức chi chung

1.1. Chi xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ:

1.1.1. Xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 76/2018/TT-BTC);

1.1.2. Chi biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC.

1.1.3. Chi xây dựng sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ (nếu có): Mức chi theo thực tế phát sinh, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

1.2. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn:

1.2.1. Nội dung và mức chi: Theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công

---

[16] Phần này được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

chức, viên chức và Phụ lục 02 Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND).

1.2.2. Ngoài các nội dung chi tại điểm 1.2.1 Khoản này, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng được sử dụng kinh phí của hoạt động để hỗ trợ đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các nội dung sau:

a) Chi hỗ trợ tiền ăn: Theo mức chi áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND;

b) Chi phí đi lại từ nơi cư trú đến nơi học tập (một lượt đi và về);

c) Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp cơ sở đào tạo không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho học viên mà phải đi thuê).

Nội dung và mức chi thuê chỗ nghỉ, chi phí đi lại tối đa theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 và Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND). Trường hợp người học tự túc phương tiện đi lại thì được hỗ trợ chi phí đi lại bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm học.

1.3. Chi tổ chức các cuộc hội nghị về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, hội nghị sơ kết, tổng kết thực hiện hoạt động y tế - dân số và các hoạt động thành phần: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND.

1.4. Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước, chi các hoạt động nghiên cứu, phục vụ nội dung chuyên môn của các hoạt động y tế - dân số theo đề cương nghiên cứu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Phụ lục 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là

Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Phụ lục 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND).

1.5. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về các nội dung, hoạt động của hoạt động y tế - dân số: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước và Phụ lục 02 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước của thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Thông tư số 71/2018/TT-BTC và Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND).

1.6. Chi điều tra, khảo sát, thống kê theo nội dung chuyên môn của từng hoạt động: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Phụ lục 01 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách Thành phố bảo đảm (sau đây viết tắt là Thông tư số 109/2016/TT-BTC và Phụ lục 01 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND).

1.7. Chi xây dựng, quản lý, sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý dữ liệu; xây dựng, cập nhật và quản lý thông tin của các hoạt động y tế - dân số trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử:

1.7.1. Đối với các trường hợp xây dựng dự án, mức chi căn cứ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập dự án ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý dự án ứng dụng công nghệ thông tin; định mức, đơn giá chuyên ngành do các Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan ban hành;

1.7.2. Đối với nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

1.7.3. Chi nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

1.7.4. Chi chuẩn hóa dữ liệu: Mức chi trên cơ sở tham khảo định mức kinh tế - kỹ thuật theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin;

1.7.5. Chi cải tạo, sửa chữa hạ tầng, mua sắm tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

1.7.6. Chi thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

1.7.7. Chi thuê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng thông tin, duy trì dịch vụ mạng (bao gồm thuê đường truyền, băng thông, duy trì tên miền, địa chỉ IP, thu thập, lưu trữ và truyền tải thông tin, các dịch vụ trực tuyến khác): Thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

1.8. Chi thuê chuyên gia trong nước theo quyết định của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện các hoạt động y tế - dân số. Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật về đấu thầu.

1.9. Chi học tập, trao đổi kinh nghiệm và hợp tác quốc tế để tăng cường năng lực và triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động của các hoạt động y tế - dân số: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC, Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND, Thông tư số 40/2017/TT-BTC, Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND.

1.10. Chi mua thuốc, mẫu thực phẩm, phương tiện tránh thai, trang thiết bị y tế, sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù, trang thiết bị (đào tạo, truyền thông, tin học và quản lý) (sau đây gọi tắt là hàng hóa) dùng cho hoạt động chuyên môn của từng hoạt động y tế - dân số (bao gồm cả mua phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn để học viên thực hành lâm sàng và tiền lâm sàng (nếu có)). Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

1.11. Chi tiêu hủy bơm kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hóa chất hết hạn sử dụng (nếu có) thuộc hoạt động y tế - dân số; tiêu hủy hàng vô chủ là thực phẩm, nguyên liệu, vật tư, hóa chất sản xuất, chế biến thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (đã bao gồm thực phẩm giả, thực phẩm nhái, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm

không đảm bảo an toàn) phát hiện trong các đợt kiểm ưa, giám sát thuộc các hoạt động y tế - dân số theo quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

1.11.1. Mua nhiên liệu, hóa chất, vật tư dùng cho tiêu hủy (nếu có);

1.11.2. Thuê kho lưu giữ vật tư, hóa chất, mầm bệnh độc phải thực hiện tiêu hủy;

1.11.3. Thuê máy móc, thiết bị phục vụ tiêu hủy (nếu cần thiết);

Mức chi quy định tại điểm 1.11.1, 1.11.2,1.11.3 khoản này căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, các chứng từ chi tiêu hợp pháp phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thực hiện ở địa phương;

1.11.4. Chi vận chuyển: Thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, chế biến thực phẩm; vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất, kinh doanh cần tiêu hủy; trang thiết bị, người tham gia phục vụ tiêu hủy. Mức chi theo quy định tại Khoản 1.13 Mục 1 Phụ lục này.

1.11.5. Thuê nhân công thực hiện việc tiêu hủy (nếu có), mức chi: Bằng 1,5 mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Trường hợp phải thuê cơ quan, đơn vị khác thực hiện việc tiêu hủy, mức chi thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn của đơn vị thực hiện tiêu hủy.

1.12. Chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ và hiệu chỉnh các trang thiết bị, kho bảo quản (thuốc, phương tiện tránh thai, sinh phẩm, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hóa chất) phục vụ hoạt động chuyên môn của từng hoạt động y tế - dân số do cấp có thẩm quyền phê duyệt: Theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu.

1.13. Chi vận chuyển hàng hóa, mẫu bệnh phẩm, mẫu xét nghiệm từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm để phục vụ hoạt động chuyên môn của từng hoạt động y tế - dân số, máy móc, trang thiết bị; chi phí đi lại của cán bộ y tế, dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong các đợt khám sàng lọc, phát hiện và triển khai các chiến dịch:

1.13.1. Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện công cộng: Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng;

1.13.2. Trường hợp vận chuyển theo đường bưu điện: Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành;

1.13.3. Trường hợp thuê phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc sử dụng phương tiện vận chuyển. Mức chi theo hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó) trong phạm vi dự toán được giao;

1.13.4. Trường hợp tự túc phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết); Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, mẫu bệnh phẩm và con người trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên.

1.14. Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC và Phụ lục 01 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND.

1.15. Chi dịch thuật:

1.15.1. Dịch tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC và Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND;

1.15.2. Chi phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: mức tiền công áp dụng bằng mức chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC và Phụ lục 01 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND;

1.15.3. Chi dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: áp dụng mức chi dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

1.16. Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế để xác định các bệnh thuộc hoạt động y tế - dân số (riêng đối với hoạt động y tế - dân số Tiêm chủng mở rộng chỉ áp dụng đối với các bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, lao và bại liệt) trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát, bao gồm:

1.16.1. Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (trừ mẫu dịch não tủy): 7.000 đồng/mẫu;

1.16.2. Chi hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy (nếu có): 30.000 đồng/mẫu.

1.16.3. Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu, người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu.

1.17. Chi công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật tại các tuyến và hướng dẫn thực hiện các hoạt động chuyên môn thuộc các hoạt động y tế - dân số

1.17.1. Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND và Khoản 1 và Khoản 2 Mục II Thông

tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Đối với đoàn công tác kiểm tra, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi phí cho chuyến công tác theo chế độ quy định (tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc) cho các thành viên trong đoàn. Để tránh chi trùng lắp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, giấy triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này;

1.17.2. Trường hợp đi giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh tật, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi của các hoạt động y tế - dân số, cán bộ y tế, dân số đi giám sát được hỗ trợ mức 40.000 đồng/người/ngày đi giám sát ngoài chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND;

Ngoài ra, tùy thuộc vào yêu cầu của mỗi cuộc kiểm tra, thanh tra, giám sát được sử dụng kinh phí của các hoạt động y tế - dân số để thực hiện thêm một số nội dung như sau:

a) Lấy, bảo quản hoặc mua mẫu xét nghiệm, mẫu phân tích: lấy mẫu theo quy định tại Khoản 1.16 Mục 1 Phụ lục này; việc bảo quản, mua mẫu theo chứng từ, hóa đơn hợp lệ và phù hợp với giá cả thị trường của địa phương tại thời điểm lấy mẫu;

b) Vận chuyển phân tích từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm: theo quy định tại Khoản 1.13 Mục 1 Phụ lục này;

c) Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc: thực hiện theo quy định tại Khoản 1.14 Mục 1 Phụ lục này;

d) Chi xét nghiệm, kiểm nghiệm mẫu: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành. Đối với dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm chuyển từ phí sang cơ chế giá không thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá: Mức chi theo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ;

đ) Chi khảo sát, điều tra, thống kê dịch tễ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1.6 Mục 1 Phụ lục này.

1.18. Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh;

hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung các hoạt động y tế - dân số:

1.18.1. Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung:

a) Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phông, bạt (nếu có): Mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn);

b) Tiền nước uống cho người tham dự: theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND;

c) Chi thù lao người thực hiện tư vấn: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND. Trường hợp báo cáo viên là cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản: Áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị[17];

d) Chi dịch thuật (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 1.15 Mục 1 Phụ lục này.

1.18.2. Riêng trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế:

a) Thù lao người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số tại địa phương quyết định;

b) Chi dịch thuật (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 1.15 Mục 1 Phụ lục này.

1.18.3. Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng:

a) Được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND và được bồi dưỡng theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng /cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng;

b) Chi phiên dịch (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 1.15 Mục 1 Phụ lục này;

c) Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 1.14 Mục 1 Phụ lục này.

1.19. Chi tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động thuộc các hoạt động y tế - dân số (bao gồm cả lồng ghép khám bệnh, chữa bệnh với khắc

---

[17] Cụm từ "từ cấp huyện và tương đương trở xuống" được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

phục hậu quả thiên tai và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thuộc phạm vi hoạt động y tế - dân số kết hợp quân dân y. Riêng đối với hoạt động y tế - dân số Tiêm chủng mở rộng chỉ thực hiện đối với các bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, thương hàn, lao, bại liệt) (sau đây viết tắt là khám sàng lọc). Nội dung và mức chi bao gồm:

1.19.1. Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có). Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành;

1.19.2. Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành:

a) Trường hợp là người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[18] theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại;

Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số[19] và miền núi; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại.

b) Trường hợp là người không hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

Người trực tiếp khám, xét nghiệm: mức hỗ trợ bằng 1,3 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc (bao gồm cộng tác viên nếu có): mức hỗ trợ bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Trường hợp khám sàng lọc kết hợp chuyển giao kỹ thuật cho địa phương, mức chi cho bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm áp dụng mức chi thù lao cho giảng viên quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND. Người tham gia khám sàng lọc tại địa bàn nơi khám sàng lọc thì không được hỗ trợ công tác phí theo quy định hiện hành.

---

[18] Cụm từ "xã đặc biệt khó khăn" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[19] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

1.19.3. Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phông, bạt (nếu có), thanh toán tiền nhiên liệu, điện, nước, vật tư y tế phục vụ công tác khán sàng lọc: Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn và chứng từ chi tiêu hợp pháp.

1.19.4. Chi dịch thuật (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 1.15 Mục 1 Phụ lục này.

Thời gian thực hiện một đợt khám tại một cụm khám và số lượng đối tượng khám tối thiểu/ngày theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế.

Người tham gia khám sàng lọc chỉ được hưởng 01 mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản này hoặc theo quy định về nội dung chi đặc thù của hoạt động y tế - dân số (nếu có).

1.20. Chi thù lao cộng tác viên y tế, dân số tại xã, phường[20]:

1.20.1. Đối tượng (nhân viên y tế thôn bản hoặc đối tượng khác) và số lượng cộng tác viên của tùng xã: Thủ trưởng cơ quan y tế, dân số tại địa phương quyết định đối với các hoạt động y tế - dân số, hoạt động bắt buộc phải có cộng tác viên thường xuyên;

1.20.2. Mức hỗ trợ cộng tác viên như sau:

a) Đối với xã, phường[21] trọng điểm, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[22]: 200.000 đồng/người/tháng/hoạt động y tế - dân số (hoạt động y tế - dân số 2, 4, 5, 6, 7) hoặc 01 bệnh của hoạt động y tế - dân số 1 hoặc 01 hoạt động của hoạt động y tế - dân số 3;

b) Đối với các xã còn lại: 150.000 đồng/người/tháng/hoạt động y tế - dân số (hoạt động y tế - dân số 2, 4, 5, 6, 7) hoặc 01 bệnh của hoạt động y tế - dân số 1 hoặc 01 hoạt động của hoạt động y tế - dân số 3;

Trường hợp cộng tác viên của nhiều hoạt động y tế - dân số (hoạt động y tế - dân số 2, 4, 5, 6, 7) hoặc nhiều bệnh của hoạt động y tế - dân số 1 hoặc hoạt động của hoạt động y tế - dân số 3 thì cứ mỗi hoạt động y tế - dân số hoặc 01 bệnh/hoạt động tăng thêm, cộng tác viên được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/tháng.

1.21. Chi hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về, tối đa 03 lần) đối với bệnh nhân thuộc hộ nghèo đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa[23] (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh được cơ quan Bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là BHYT) chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định

---

[20]Cụm từ "thị trấn" bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[21] Cụm từ "thị trấn" bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[22] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[23] Cụm từ "từ tuyến huyện trở lên" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc phát hiện tại cộng đồng: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 1.13 Mục 1 Phụ lục này trong phạm vi dự toán được giao.

1.22. Chi hỗ trợ cơ sở y tế xây dựng, triển khai mô hình quản lý, phát hiện và ghi nhận bệnh nhân các bệnh không lây nhiễm (gồm bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tai biến mạch não/đột quỵ não, nhồi máu cơ tim, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen phế quản, sức khỏe tâm thần) theo quy định của Bộ Y tế. Mức chi: 200.000 đồng/bệnh/cơ sở y tế/tháng để thực hiện các nội dung sau:

1.22.1. Lập phiếu đánh giá nguy cơ bệnh, lập phiếu ghi nhận, lập bảng phỏng vấn bệnh nhân (nếu có);

1.22.2. Lập hồ sơ bệnh án hoặc sổ theo dõi định kỳ bệnh nhân theo yêu cầu của hoạt động;

1.22.3. Tư vấn phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe).

1.23. Chi thuê kiểm toán độc lập trong trường hợp Kiểm toán Nhà nước không tiến hành kiểm toán hàng năm (nếu thấy cần thiết): Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

1.24. Chi thẩm định các ca tử vong khi triển khai các hoạt động y tế - dân số trong trường hợp cần thiết theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

1.24.1. Chi họp Hội đồng thẩm định: Áp dụng mức chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học công nghệ quy định tại Khoản 1, Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Phụ lục 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND;

1.24.2. Chi công tác phí (nếu có): Mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND.

1.24.3. Chi thuê người dẫn đường (nếu cần thiết): Mức chi theo quy định tại Khoản 1.14, Mục 1 Phụ lục này.

1.25. Chi khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động y tế - dân số theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

1.26. Chi từ nguồn vốn đối ứng của các dự án viện trợ: Nội dung chi theo Hiệp định hoặc Thỏa thuận với nhà tài trợ. Mức chi theo chế độ chi tiêu hiện hành, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được giao.

2. [24]Nội dung và mức chi đặc thù của một số hoạt động y tế - dân số

---

[24] Mục này được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2.1. Nội dung và mức chi đặc thù của hoạt động y tế - dân số 1 - Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến:

2.1.1. Hoạt động phòng, chống phong:

a) Chi mua, sản xuất vật dụng đặc thù để trang cấp cho bệnh nhân phong theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều;

Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

c) Bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo được hỗ trợ:

Dụng cụ phục hồi chức năng cho bệnh nhân phong bị khuyết tật: 1.300.000 đồng/bệnh nhân;

Trường hợp bệnh nhân nạo vét lỗ đáo điều trị tại trạm y tế xã, cơ sở y tế khu vực được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày;

Trường hợp bệnh nhân phong bị cơn phản ứng phong nặng hoặc tai biến điều trị được hỗ trợ tiền thuê phương tiện vận chuyển từ nhà đến trạm y tế xã, khu điều trị phong hoặc bệnh viện đa khoa khu vực theo mức chi quy định tại khoản 1.13 Mục 1 Phụ lục này.

d) Chi thù lao cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán:

Bệnh nhân ở xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[25]: 300.000 đồng/bệnh nhân;

Bệnh nhân ở các xã còn lại: 200.000 đồng/bệnh nhân.

2.1.2. Hoạt động phòng, chống lao:

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng: Mức hỗ trợ: 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB;

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao[26]:

---

[25] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[26] Cụm từ "tuyến huyện" được bãi bỏ theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[27] 50.000 đồng/xã/tháng;

Đối với các xã còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng;

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế (hoạt động phòng, chống lao):

Đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[28]: 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng;

Đối với các xã còn lại: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

2.1.3. Hoạt động phòng, chống sốt rét:

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét tại gia đình:

Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu;

b) Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng;

c) Chi trả công người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm;

d)[29]Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 2,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày, 22 ngày/tháng, 08 giờ/ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Trường hợp làm theo giờ thì mức chi trả được tính theo số giờ thực tế thực hiện, cụ thể bằng ((mức chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi theo ngày/8 giờ) x nhân số giờ thực tế thực hiện)

---

[27] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[28] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[29] Mục này được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2.1.4. Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết:

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình:

Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

b)[30]Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 2,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày, 22 ngày/tháng, 08 giờ/ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Trường hợp làm theo giờ thì mức chi trả được tính theo số giờ thực tế thực hiện, cụ thể bằng ((mức chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi theo ngày/8 giờ) x nhân số giờ thực tế thực hiện)

2.1.5. Bảo vệ sức khỏe tâm thần:

a) Chi phát hiện, quản lý và điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần

Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi;

b) Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình, hỗ trợ nhân viên y tế thôn, bản tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: số lượng cán bộ, nhân viên y tế được hỗ trợ do Chủ tịch UBND Thành phố quyết định hoặc phân cấp cho thủ trưởng cơ quan chuyên môn quyết định. Mức hỗ trợ như sau:

Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã/tháng;

Hỗ trợ nhân viên y tế thôn, bản tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực đồng bằng và thành thị, 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực miền núi, vùng cao nhưng không quá 100.000 đồng/thôn, bản/tháng.

2.1.6. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt:

Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch:

---

[30] Mục này được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu;

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi: 5.000 đồng/mẫu;

c) Chi công xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt 2.000 đồng/mẫu;

d) Chi công khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát 10.000 đồng/người được khám;

đ) Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

2.1.7. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản:

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

2.1.8. Hoạt động y tế trường học

Chi hỗ trợ lồng ghép giảng dạy các kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

a) Chi hỗ trợ soạn giáo trình về y tế học đường: Theo quy định tại Khoản 1.1 Mục 1 Phụ lục này.

b) Chi thù lao giảng viên dạy chuyên đề về y tế học đường: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND.

2.2. Nội dung và mức chi đặc thù của hoạt động y tế - dân số 2 - Tiêm chủng mở rộng:

2.2.1.[31]Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ liều theo quy định của hoạt động y tế - dân số:

a) Đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[32]: 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin;

b) Đối với các xã còn lại: 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin.

2.2.2.[33]Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi-rubella; DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi, vắc xin Uốn ván-bạch hầu (Td) cho trẻ 7 tuổi; cho trẻ tiêm hoặc uống vắc

---

[31] Mục này được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[32] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[33] Mục này được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung theo kế hoạch, chương trình, hướng dẫn hàng năm:

a) Đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[34]: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm);

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

2.2.3. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ:

a) Đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[35]: 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều;

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

2.2.4. Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định:

Đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[36]: 520.000 đồng/ca bệnh;

Đối với các xã còn lại: 400.000 đồng/ca bệnh.

2.2.5. Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

Đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[37]: 300.000 đồng/ca bệnh;

Đối với các xã còn lại: 150.000 đồng/ca bệnh.

2.2.6. Chi bồi thường khi sử dụng vắc xin trong hoạt động tiêm chủng mở rộng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng của người được tiêm chủng: Mức bồi thường theo quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

2.2.7. Chi mua bảo hiểm rủi ro cho vắc xin và vật tư tiêm chủng bảo quản tại kho: Theo hợp đồng, hóa đơn của nhà cung cấp bảo hiểm.

2.3. Nội dung và mức chi đặc thù của hoạt động y tế - dân số 3 - Dân số và Phát triển:

2.3.1. Hoạt động Dân số[38]

---

[34] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[35] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[36] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[37] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[38] Cụm từ "Kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ)" được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

a) [39]*(được bãi bỏ)*

b) Chi bảo quản, tiếp nhận phương tiện tránh thai (sau đây viết tắt là PTTT): Mức chi theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu; chi vận chuyển PTTT theo quy định tại Khoản 1.13 Mục 1 Phụ lục này;

c) [40]Cấp miễn phí PTTT cho các đối tượng:

Đối tượng được cấp miễn phí PTTT: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ cung cấp PTTT miễn phí có trách nhiệm thống kê, ghi chép đầy đủ danh sách đối tượng theo hướng dẫn của đơn vị chủ trì hoạt động

d) Thực hiện tiếp thị xã hội PTTT theo danh mục PTTT: Việc tổ chức triển khai thực hiện và cơ chế quản lý tài chính hoạt động tiếp thị xã hội PTTT thực hiện theo các quy định hiện hành;

đ) Chi kiểm định chất lượng PTTT: Theo giá kiểm định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Chi thực hiện dịch vụ KHHGĐ, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế đối với đối tượng tự nguyện triệt sản và người được cấp miễn phí phương tiện tránh thai:

Chi thực hiện dịch vụ KHHGĐ và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (sau đây viết tắt là KCB) của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở KCB công lập hiện hành;

Chi tiền công tiêm thuốc tránh thai: Theo giá dịch vụ tiêm hiện hành đối với cơ sở y tế công lập;

Hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về) cho bệnh nhân thuộc hộ nghèo, người tự nguyện triệt sản hoặc được cấp PTTT (vòng, thuốc tiêm, thuốc cấy) miễn phí bị tai biến theo chuyên môn y tế đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa[41] (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh do BHYT chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc phát hiện tại cộng đồng: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 1.13 Mục 1 Phụ lục này;

g) Hoạt động sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

Sở Y tế tham mưu UBND Thành phố số lượng xã triển khai phù hợp với mục tiêu của hoạt động y tế - dân số, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động sàng lọc, chẩn

---

[39] Điểm này bị bãi bỏ bởi điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[40] Mục này được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[41] Cụm từ "từ tuyến huyện trở lên" được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

đoán trước sinh và sơ sinh quyết định lựa chọn cơ sở KCB có đủ điều kiện, khả năng để thực hiện hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ công;

Đối tượng được hỗ trợ thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao và chưa có thẻ BHYT.

Nội dung và mức chi của hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: Mức chi theo giá dịch vụ KCB hiện hành (chi phí này đã bao gồm lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh);

Chi gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm cả kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có);

Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của thủ trưởng cơ sở KCB thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền. Mức chi theo quy định tại Khoản 1.13 Mục 1 Phụ lục này.

h) Chi khám sức khỏe tiền hôn nhân theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định:

Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao;

Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ KCB của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở KCB công lập hiện hành;

i) Chi cập nhật thông tin về DS[42] của hộ gia đình vào sổ ghi chép ban đầu về DS-KHHGĐ của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới;

k)[43] ***(được bãi bỏ)***

l) Chi hỗ trợ 01 người làm công tác dân số cấp xã chưa được hưởng lương hoặc phụ cấp từ ngân sách nhà nước: mức hỗ trợ bằng 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

---

[42] Cụm từ "KHHGĐ" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[43] Điểm này bị bãi bỏ bởi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

m) Chi xây dựng mô hình các dịch vụ can thiệp về DS[44]: Căn cứ mô hình được UBND Thành phố phê duyệt, nội dung và mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành;

n) Chi hỗ trợ sửa chữa, củng cố cơ sở vật chất các kho chứa, bảo quản PTTT[45]; các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ, các cơ sở cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tuyến Thành phố theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

o) Chi in sổ sách ghi chép, theo dõi của cơ sở tham gia cung cấp dịch vụ DS[46]; thẻ theo dõi đối tượng phục vụ mục tiêu báo cáo của hoạt động y tế - dân số. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.3.2. Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng:

a) Chi xây dựng mô hình phục hồi chức năng tại tuyến y tế cơ sở. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Phụ lục 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND.

b) Chi hỗ trợ người khuyết tật thuộc hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi (sau đây gọi chung là người khuyết tật) tham gia mô hình phục hồi chức năng:

Chi phẫu thuật - chỉnh hình (nếu có) trong trường hợp người khuyết tật không được Quỹ BHYT thanh toán: theo giá dịch vụ KCB hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở KCB công lập;

Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình (nếu có): 650.000 đồng/bệnh nhân;

Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật: 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

2.3.3. Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

a) Chi phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ; mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;

---

[44] Cụm từ "KHHGĐ" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[45] Cụm từ "các trung tâm tư vấn và dịch vụ DS-KHHGĐ" bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[46] Cụm từ "KHHGĐ" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

b) Chi triển khai mô hình điểm về chăm sóc sức khỏe dài hạn; mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập trung người cao tuổi theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Nội dung và mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

2.3.4. Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản

a) Chi bồi dưỡng cô đỡ ở thôn, bản thuộc các xã vùng núi, vùng sâu, vùng xa đã được đào tạo và đang trực tiếp thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng (chưa được hưởng mức phụ cấp nhân viên y tế thôn bản theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp của nhân viên y tế thôn bản): 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng (mỗi thôn, bản chỉ hỗ trợ 1 cô đỡ).

b) Chi hỗ trợ túi cô đỡ thôn, bản, gói đỡ đẻ sạch và sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ - trẻ em theo hướng dẫn chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành: Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.3.5. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

a) Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người;

b) Chi mua, vận chuyển các sản phẩm dinh dưỡng cấp miễn phí cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, vùng cần được hỗ trợ khẩn cấp về dinh dưỡng. Việc mua sắm, vận chuyển theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng:

Đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[47]: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống);

Đối với xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

2.4. Nội dung và mức chi đặc thù của hoạt động y tế - dân số 4 – An toàn thực phẩm (ATTP):

2.4.1. Chi triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử; triển khai phương pháp thử nghiệm quốc tế, khu vực, đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm:

a) Chi thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng. Nội dung và mức chi đặc thù bao gồm:

---

[47] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Chi xây dựng đề cương dự kiến chương trình thử nghiệm: 1.000.000 đồng/đề cương;

Thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng quốc tế và trong nước: Mức chi theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp;

Thuê chuyên gia thử nghiệm thành thạo (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 1.8 Mục 1 Phụ lục này;

Chi họp Hội đồng thử nghiệm thành thạo: Áp dụng mức chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Phụ lục 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND;

Tổng hợp, xử lý kết quả phân tích của các phòng kiểm nghiệm: 1.000.000 đồng/báo cáo;

Gửi kết quả phân tích cho cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định: Mức chi theo giá cước dịch vụ bưu chính.

b) Chi thuê hiệu chuẩn trang thiết bị kiểm nghiệm phục vụ hoạt động y tế - dân số: Mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

c) Chi chuẩn hóa phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2005 đối với các cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố, bao gồm:

Xây dựng, chuẩn hóa phương pháp thử ISO: 500.000 đồng/phương pháp thử;

Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 500.000 đồng/người/tháng.

d) Chi đánh giá nội bộ tối đa không quá 2 lần/năm:

Chi xây dựng đề cương đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/đề cương;

Thuê chuyên gia tư vấn thực hiện giám sát đánh giá nội bộ (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 1.8 Mục 1 Phụ lục này;

Chi đánh giá nội bộ: Áp dụng mức chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và Phụ lục 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND;

Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/báo cáo;

Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa tài liệu, giám sát đánh giá nội bộ: 200.000 đồng/cán bộ/đợt đánh giá; tối đa không quá 5 cán bộ/đợt đánh giá.

2.4.2. Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm:

a) Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm.

b) Chi thù lao người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được

hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này): Mức hỗ trợ như sau:

Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: Mức chi 130.000 đồng/người/ngày;

Tại các khu vực, địa điểm khác: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

c) Chi xây dựng mô hình điểm về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; bếp ăn tập thể tại địa phương. Thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp Thành phố quyết định. Nội dung và mức chi bao gồm:

Chi xây dựng đề cương: 1.000.000 đồng/đề cương;

Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm cả đánh giá thử để thẩm tra, giám sát hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình): Mức chi theo quy định tại Khoản 1.8 Mục 1 Phụ lục này;

Các nội dung khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền: mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.4.3. Chi bảo đảm vệ sinh ATTP trong sản xuất nông sản và thủy sản:

a) Chi kiểm tra từ gốc tại nước xuất khẩu nông sản, thủy sản vào Việt Nam theo quy định về chuyên môn, kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

b) Chi triển khai các chương trình giám sát về ATTP nông sản và thủy sản:

Chi điều tra, khảo sát, thống kê: Theo quy định tại Khoản 1.6 Mục 1 Phụ lục này;

Chi kiểm tra, giám sát: Theo quy định tại Khoản 1.17 Mục 1 Phụ lục này.

c) Chi triển khai hoạt động đánh giá nguy cơ ATTP nông sản, thủy sản. Nội dung và mức chi bao gồm:

Xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hành: Mức chi theo quy định tại Khoản 1.1 Mục 1 Phụ lục này;

Xây dựng cơ sở dữ liệu về cảnh báo, điều tra nguyên nhân và thu hồi sản phẩm nông sản, thủy sản không bảo đảm chất lượng ATTP: Mức chi theo quy định tại khoản 1.7 Mục 1 Phụ lục này;

Lấy mẫu, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu ATTP, kiểm tra, thanh tra tăng cường các trường hợp có dấu hiệu vi phạm (khi có cảnh báo, sự cố về ATTP hoặc nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm): Mức chi lấy mẫu kiểm tra, thanh tra theo quy định tại Khoản 1.16 và Khoản 1.17 Mục 1 Phụ lục này; thuê phân tích

mẫu, đánh giá các chỉ tiêu theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

2.4.4. Chi hỗ trợ xây dựng và áp dụng lần đầu một số mô hình trong sản xuất, kinh doanh, mô hình liên kết chuỗi, các chương trình quản lý tiên tiến (GMP, GHP, VietGAP, HACCP, ISO 22000...) do thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp Thành phố quyết định: Nội dung và mức chi bao gồm:

a) Xây dựng đề cương: 1.000.000 đồng/đề cương;

b) Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm cả đánh giá thử để thẩm tra, giám sát hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình): Mức chi theo quy định tại Khoản 1.8 Mục 1 Phụ lục này;

c) Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ lần đầu tiên áp dụng các chương trình quản lý chất lượng thực phẩm an toàn (mô hình sản xuất, mô hình liên kết chuỗi, các chương trình quản lý tiên tiến) được hỗ trợ một số nội dung trong năm đầu như sau:

Lấy mẫu, phân tích, đánh giá một số chi tiêu vệ sinh ATTP theo quy định về chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi lấy mẫu kiểm tra, thanh tra theo quy định tại Khoản 1.16 và Khoản 1.17 Mục 1 Phụ lục này. Chi thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu: theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá;

Hỗ trợ dụng cụ giám sát nhanh cho cơ sở sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt mô hình, trong phạm vi dự toán được giao.

2.4.5. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình tiên tiến đạt chuẩn đối với chợ an toàn thực phẩm. Mô hình tại địa phương do Thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp Thành phố quyết định. Nội dung và mức chi bao gồm:

a) Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm cả đánh giá thử để thẩm tra, giám sát hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình); Mức chi theo quy định tại Khoản 1.8 Mục 1 Phụ lục này.

b) Các nội dung khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền: mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được duyệt.

2.4.6. Chi tham quan mô hình chợ bảo đảm vệ sinh ATTP để xây dựng và nhân rộng mô hình tại các địa phương: Nội dung và mức chi áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND.

2.4.7. Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho các đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm nghiệm, quản lý nhà nước về ATTP. Mức chi theo dự án sửa chữa, cải tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.4.8. Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về ATTP: Theo quy định tại Khoản 1.17 Mục 1 Phụ lục này.

2.5. Nội dung và mức chi đặc thù của hoạt động y tế - dân số 5 - Phòng, chống HIV/AIDS:

2.5.1. Tăng cường xét nghiệm phát hiện HIV/AIDS:

a) Chi xét nghiệm HIV, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (STI) phục vụ các hoạt động chuyên môn của hoạt động y tế - dân số trong các đợt giám sát dịch tễ học HIV/AIDS, giám sát các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (gồm giám sát trọng điểm, giám sát phát hiện, giám sát trọng điểm lồng ghép giám sát hành vi và các chỉ số sinh học) của các đối tượng bắt buộc phải xét nghiệm HIV theo quy định của pháp luật (bao gồm cả các đợt điều tra, phục vụ nghiên cứu): Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ KCB, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở KCB, cơ sở điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV công lập;

b) Chi hỗ trợ xét nghiệm tìm các chất ma túy trong máu, nước tiểu và các xét nghiệm thường quy khác theo quy định của Bộ Y tế đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số sống tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ KCB, giá dịch vụ khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở KCB, cơ sở khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế công lập;

c) Chi hỗ trợ đối tượng nguy cơ cao cho mẫu máu, bệnh phẩm: 30.000 đồng/mẫu.

2.5.2. Chi triển khai can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV:

a) Chi phụ cấp cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc Điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng chế độ thù lao từ nguồn kinh phí hoạt động y tế - dân số và ngược lại.

b) Chi hỗ trợ sinh hoạt nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng hàng tháng:

Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng: 10.000 đồng/thành viên/tháng, nhưng tối đa 1.200.000 đồng/nhóm/năm;

Hỗ trợ tài liệu, phương tiện truyền thông, phương tiện bảo hộ lao động thu gom vật dụng can thiệp, đồng phục cho hoạt động của nhóm tuyên truyền viên

đồng đẳng theo định mức quy định của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về y tế cấp Thành phố.

c) Chi thăm hỏi khi thành viên trong nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng bị ốm đau: 100.000 đồng/lần, tối đa 3 lần/năm;

d) Trợ cấp một lần đối với thành viên tuyên truyền viên đồng đẳng có nhiều thành tích đóng góp trong công tác phòng, chống HIV/AIDS có hoàn cảnh khó khăn: 200.000 đồng/thành viên;

Số lượng nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ, số nhóm và số lượng thành viên nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng do Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về y tế cấp Thành phố quyết định phù hợp với thực tế của địa phương;

đ) Chi ngoại kiểm phòng xét nghiệm. Mức chi theo giá dịch vụ ngoại kiểm phòng xét nghiệm HIV do Bộ Y tế ban hành.

2.5.3. Chi hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con:

a) Hỗ trợ điều trị HIV/AIDS:

Người bị nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp, rủi ro của kỹ thuật y tế, người dân có nguy cơ rủi ro lây nhiễm HIV khi tham gia cứu nạn, phòng tội phạm, phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK (trừ đối tượng đã được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán chi phí KCB từ nguồn quỹ BHYT hoặc được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) được hỗ trợ:

Chi phí thực hiện các xét nghiệm theo quy định của Bộ Y tế phục vụ công tác điều trị. Mức chi áp dụng theo giá xét nghiệm, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở KCB, cơ sở điều trị HIV/AIDS công lập;

Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội cho người nhiễm HIV. Mức hỗ trợ 200.000 đồng/người/năm;

Người nhiễm HIV trong các cơ sở giáo dục thường xuyên, trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam: Hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội theo quy định tại Quyết định số 96/2007/QĐ-TTg ngày 28/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, chăm sóc, tư vấn điều trị cho người nhiễm HIV và phòng lây nhiễm HIV tại các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam và các văn bản hướng dẫn Quyết định.

b) Hỗ trợ tình nguyện viên tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV tại cộng đồng ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK: Mức hỗ trợ 350.000 đồng/người/tháng. Số lượng tình nguyện viên do Thủ trưởng cơ quan chuyên môn y tế cấp Thành phố quyết định phù hợp với số lượng người nhiễm HIV/AIDS cần được chăm sóc, điều trị trên địa bàn Thành phố.

c) Hỗ trợ dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: Chi xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai tự nguyện xét nghiệm HIV, trẻ em dưới 18 tháng tuổi sinh ra từ người mẹ nhiễm HIV/AIDS. Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ KCB, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở KCB, cơ sở điều trị HIV/AIDS công lập;

d) Người nhiễm HIV tử vong bị bỏ rơi hoặc không xác định được thân nhân: Cơ sở thực hiện việc mai táng được hỗ trợ chi phí mai táng, di chuyển thi thể, hài cốt theo quy định của pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Mức chi phí mai táng không quá 30 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2.6. Nội dung và mức chi đặc thù của hoạt động y tế - dân số 6 - Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học:

2.6.1. Tổ chức các chương trình, sự kiện vận động hiến máu tình nguyện: Thủ trưởng đơn vị được giao thực hiện quyết định việc tổ chức các chương trình, sự kiện theo chế độ chi tiêu hiện hành, trong phạm vi dự toán được giao.

2.6.2. Chi thực hiện chương trình ngoại kiểm xét nghiệm sàng lọc đơn vị máu bảo đảm an toàn truyền máu phòng, ngừa lây nhiễm HBV, HCV, HIV, giang mai:

Nội dung và mức chi theo quy định tại Khoản 1.19 Mục 1 Phụ lục này, ngoài ra, còn được hỗ trợ:

a) Chi phí thu thập tài liệu, nhập liệu, tổng hợp phân tích kết quả và viết báo cáo: 150.000 đồng/đơn vị;

b) Cập nhật tài liệu, quy trình chất lượng liên quan đến EQAS: 500.000 đồng/quy trình;

c) Chi hỗ trợ người xây dựng và bảo quản ngân hàng mẫu: 10.000 đồng/mẫu;

d) Chi hỗ trợ người điều chế và xét nghiệm bộ mẫu: 100.000 đồng/mẫu.

2.6.3.[48]Về hỗ trợ hoạt động xây dựng lực lượng hiến máu dự bị để xây dựng ngân hàng máu sống: Nội dung và mức chi theo quy định tại Khoản 1.19 Mục 1 Phụ lục này, ngoài ra, còn được hỗ trợ kinh phí lập kế hoạch, chương trình, viết báo cáo: tối đa 500.000 đồng đối với cấp xã, tối đa 1.000.000 đồng đối với cấp Thành phố.

2.7. Nội dung và mức chi đặc thù của hoạt động y tế - dân số 7 - Quân dân y kết hợp:

---

[48] Mục này được sửa đổi bởi khoản 8 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2.7.1. Xây dựng mô hình điểm về kết hợp quân dân y: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, mô hình được cấp có thẩm quyền quyết định. Nội dung và mức chi theo chế độ chi tiêu hiện hành.

2.7.2. Chi hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp, bao gồm:

a) Bồi dưỡng diễn tập: 200.000 đồng/người/ngày;

b) Chi xây dựng kịch bản, văn kiện diễn tập, trang phục cá nhân, thuê mướn trang thiết bị y tế, phương tiện và các chi phí khác phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập (nếu có). Mức chi xây dựng kịch bản, văn kiện diễn tập theo hợp đồng Thủ trưởng đơn vị thực hiện hoạt động y tế - dân số quyết định trong phạm vi dự toán được duyệt. Chi trang phục cá nhân, thuê mướn trang thiết bị, phương tiện và các chi phí khác phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.7.3. Chi khám, chữa bệnh lưu động và theo chiến dịch cho các đối tượng chính sách, người nghèo tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[49], xã khu vực I, khu vực II thuộc vùng dân tộc và miền núi, các khu vực trọng điểm về quốc phòng, an ninh: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1.19 Mục 1 Phụ lục này.

2.8. Nội dung và mức chi đặc thù của hoạt động y tế - dân số 8 - Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện hoạt động y tế - dân số và truyền thông y tế:

2.8.1. Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí); chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip)) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về hoạt động y tế - dân số: Trường hợp đã có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì áp dụng định mức chi phí, đơn giá đó. Trường hợp chưa có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; ưu tiên truyền thông qua đài phát thanh xã, phường[50]. Việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

---

[49] Cụm từ "xã ĐBKK" được sửa đổi thành "xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" theo khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

[50] Cụm từ "thị trấn" bị bãi bỏ bởi quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 79/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2.8.2. Chi hỗ trợ truyền thông, quảng bá nội dung của chương trình trên mạng xã hội nhằm đáp ứng công tác truyền thông trong tình hình hiện nay (nếu có). Nội dung chi và mức chi theo quy định tại Khoản 1.7 Mục 1 Phụ lục này.

2.8.3. Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: 80.000 đồng/tin, bài từ 350 từ đến dưới 600 từ; 100.000 đồng/bài từ 600 từ trở lên.

2.8.4. Chi trả nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thù lao cho người tham gia thực hiện các công việc liên quan đến tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm, người sưu tầm tài liệu, cung cấp thông tin phục vụ cho việc sáng tạo tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm về thông tin, tuyên truyền: Mức chi theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/03/2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

2.8.5. Chi tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, nói chuyện chuyên đề: Các nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1.18 Mục 1 Phụ lục này.

2.8.6. Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép

a) Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 40.000 đồng/người/ngày;

b) Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/ngày. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ truyền thông quyết định số lượng người tham gia chiến dịch trong phạm vi dự toán được giao;

c) Bồi dưỡng phát thanh viên: 100.000 đồng/người/ngày;

d) Chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện, trang trí, ảnh tư liệu, thuê hội trường, phông, bạt, bàn, ghế, thiết bị loa, đài và các chi phí hợp lý khác. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được duyệt.

2.8.7. Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chính sách, pháp luật, kiến thức liên quan đến hoạt động y tế - dân số, bao gồm:

a) Chi đăng báo và thông tin trên các phương tiện truyền thông để phát động và thông báo thể lệ cuộc thi: Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được giao;

b) Các khoản chi khác (nếu có) như: xây dựng kịch bản; thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi; thuê dẫn chương trình; chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức; chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể, bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình (MC); văn phòng phẩm; hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho người dự thi ở xa nơi tổ chức: Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của

Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

IV. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách Nhà nước theo phân cấp.

V. Thời gian thực hiện

Từ năm 2021 đến khi có văn bản hướng dẫn mới của cơ quan có thẩm quyền.

VI. Tổ chức thực hiện

Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: VH, TT và DL, Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ VN TPHN;
- Các Ban Đảng của Thành ủy, Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026

CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà